TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 04/01/2021)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	**Rau lá, củ quả**	
1	Cải thảo	11.000
2	Xà lách búp	10.000
3	Cải bắp tròn	14.000
4	Cải ngọt	11.000
5	Cải bẹ xanh	18.000
6	Rau muống nước	24.000
7	Rau muống hạt	11.000
8	Cải thìa	9.000
9	Rau quế	12.000
10	Bầu	4.000
11	Su su	6.000
12	Khoai lang bí	9.000
13	Cà chua	6.000
14	Bông cải xanh	18.000
15	Cà rốt	23.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	12.000
18	Đậu hà lan	65.000
19	Đậu côve trắng	18.000
20	Khoai tây hồng	32.000
21	Bí đỏ	12.000
22	Bí xanh	6.000
23	Khổ qua	13.000
24	Dưa leo	15.000
25	Đậu bắp	23.000

26	Cà tím	11.000
27	Ớt cay Batri	70.000
28	Chanh giấy	28.000
29	Tỏi	85.000
30	Hành lá (hành hương)	21.000
31	Ngò rí	23.000
32	Rau dền	9.000
II	**Trái cây**	
1	Cam sành	13.000
2	Cam xoøan	28.000
3	Quýt đường	35.000
4	Quýt tiều	30.000
5	Bưởi da xanh	18.000
6	Bưởi năm roi	18.000
7	Xoài Đài Loan	0
8	Xoài cát Hòa Lộc	130.000
9	Xoài ghép	18.000
10	Xoài cát chu	13.000
12	Dưa hấu dài đỏ	43.000
13	Dưa hấu sọc	11.000
15	Thanh Long Bình Thuận	28.000
16	Thanh Long Long An	0
17	Đu đủ	18.000
18	Chôm chôm thái	45.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	0
21	Nhãn huế	0
22	Nhãn xuồng	43.000
23	Lồng mứt	0